

Số: 694/2020/QĐST-HNGĐ

TH, ngày 30 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
C NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 850/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Vi Thị B, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Tổ X, phường Q, thành phố TH, tỉnh TH.

- **Bị đơn:** Anh Văn Ngọc C, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Tổ X, phường Q, thành phố TH, tỉnh TH.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. C nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị B và anh Văn Ngọc C.

2. C nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị B và anh Văn Ngọc C xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Văn Ngọc C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Văn Minh T, sinh ngày 04/02/2017 và Văn Minh Đ, sinh ngày 30/10/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị

B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh Công xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị B tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003671 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH. Hoàn trả chị B 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- T.H.A DS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường Q, thành phố TH;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thanh Trúc